TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CẨM MỸ** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2018/HNGĐ - ST
Ngày: 11/9/2018
V/v "Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM MỸ, TỈNH ĐỒNG NAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Lê Thị Khuyên
- *Các Hội thẩm nhân dân:*
  1. Bà Lại Thị Thúy Hằng
  2. Bà Phạm Thị Ngọc Thi
- *Thư ký phiên tòa:* Ông Phạm Thái Học – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ.
- *Đại diện Viện kiểm sát huyện Cẩm Mỹ tham gia phiên tòa*: Ông Đặng Tiến Mạnh – Kiểm sát viên.

Vào ngày 11/9/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 244/2018/LTST- HNGĐ ngày 20/7/2018 về việc " Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2018/QĐXXST - HNGĐ ngày 22/8/2018 giữa các đương sự :

Nguyên đơn: chị Lê Thị M – sinh năm: 1977
Địa chỉ: đường số 8, ấp S1, xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai.
Bị đơn: anh Bùi Văn S – sinh năm: 1966
Địa chỉ: đường số 8, ấp S1, xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai.
(chị M có mặt, anh S vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 01/7/2018, các lời khai bổ sung và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn chị Lê Thị M trình bày: chị và anh Bùi Văn S trên cơ sở tự nguyện, tìm hiểu thương yêu nhau trong thời gian 03 tháng thì chị có bầu nên vào năm 1993 chị và anh Bùi Văn S tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng, không tổ chức đám cưới theo nghi thức truyền thống cũng không làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Lý do anh chị không tiến hành thủ tục đăng ký kết hôn là do kém hiểu biết và không nghĩ tới việc phải đăng ký kết hôn, đây là hôn nhân lần đầu tiên của anh chị. Sau khi kết hôn

anh chị chung sống hạnh phúc được một thời gian dài đến khi sinh cháu K được 05 tuổi thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn và không còn chung sống với nhau từ đó đến nay, mâu thuẫn vợ chồng là do anh chị bất đồng quan điểm sống, không hợp tính nhau, anh S thay đổi tích cách, ngày càng khó chịu dẫn tới giữa vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, vợ chồng có xảy ra xô xát một lần nhưng không gây thương tích, cuộc sống chung không còn hạnh phúc, tình cảm vợ chồng dành cho nhau không còn, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh S.

Quá trình chung sống anh chị có 02 con chung: Bùi Văn C, sinh ngày:05/7/1994 và Bùi Thị K, sinh ngày:01/7/1995 hiện tại đã trưởng thành và có khả năng lao động, anh chị không có tài sản chung và không có nợ chung.

* Tại biên bản lấy lời khai đối chất ngày 27/7/2018 các lời khai bổ sung bị đơn anh Bùi Văn S thống nhất với lời trình bày của chị M về quan hệ hôn nhân, việc không đăng ký kết hôn, con chung, tài sản chung và nợ chung và nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng. Nay chị M xin ly hôn với anh thì anh đồng ý ly hôn với chị M vì không còn tình cảm vợ chồng với chị M. Tại phiên tòa hôm nay anh S vắng mặt.

Ngày 27/7/2018 anh Bùi Văn S có đơn xin giải quyết vắng mặt.

* Các tài liệu, chứng cứ:

Nguyên đơn chị Lê Thị M và bị đơn anh Bùi Văn S cung cấp để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình là: bản tự khai tường trình về nội dung tranh chấp; chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu của anh chị (bản sao chứng thực); giấy khai sinh của cháu K, cháu C (bản sao); 01 đơn xác nhận tình trạng hôn nhân (bản chính).

***** Quan điểm của Viện kiểm sát huyện Cẩm Mỹ: trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà sơ thẩm,Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký đều làm đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Những người tham gia tố tụng cũng chấp hành và thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo tố tụng. Anh S có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh S là phù hợp.Đại diện VKS huyện Cẩm Mỹ không có kiến nghị gì.

Về nội dung: về quan hệ hôn nhân không công nhận chị M và anh S là vợ chồng, về con chung hiện tại đã trưởng thành và có khả năng lao động, tài sản chung và nợ chung không có nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và tư cách tham gia tố tụng: chị Lê Thị M khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với anh Bùi Văn S nên đây là vụ kiện:**"** Tranh chấp ly hôn**"** theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Chị M có đơn khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với anh S nên chị M là nguyên đơn, anh S là bị đơn trong vụ án.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: anh Bùi Văn S hiện cư trú tại đường số 8, ấp S1, xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện Cẩm Mỹ theo quy định tại Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về thủ tục tố tụng: Ngày 27/7/2018 anh Bùi Văn S có đơn xin giải quyết vắng mặt tại Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ. Vì vậy, căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật TTDS Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh S là phù hợp.

[4] Về quan hệ hôn nhân: chị Lê Thị M và anh Bùi Văn S tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1993, chị và anh không làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình. Vì vậy, căn cứ vào khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 tuyên bố không công nhận chị Lê Thị M và anh Bùi Văn S là vợ chồng.

[5] Về con chung: hiện tại đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không xem xét, giải quyết.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: không có nên không xem xét giải quyết.

Đề nghị của đại diện VKS huyện Cẩm Mỹ phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được ghi nhận xem xét.

Về án phí: chị Lê Thị M phải nộp 300.000 đồng tiền án phí LHST.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật TTDS.

Căn cứ Điều 9; khoản 1 Điều 14; Điều 15; Điều 57 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: không công nhận chị Lê Thị M và anh Bùi Văn S là vợ chồng.

- Về con chung: hiện tại đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không xem xét, giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: không có nên không xem xét giải quyết.

- Về án phí: chị Lê Thị M phải nộp 300.000 (*ba trăm ngàn*) đồng án phí LHST. Chuyển 300.000 (*ba trăm ngàn*) đồng tiền tạm ứng án phí chị M đã nộp thành tiền án phí (biên lai số 004377 ngày 20/7/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cẩm Mỹ). Chị M đã nộp đủ tiền án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung

năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại UBND xã X.

Nơi nhận :
- *TAND. tỉnh Đồng Nai;*
- *VKSND tỉnh Đồng Nai;*
- *VKSND huyện Cẩm Mỹ;*
- *Thi hành án dân sự H. Cẩm Mỹ;*
- *Những người tham gia tố tụng;*
- *Lưu án văn .*
- *Hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Lê Thị Khuyên